

Bản án số: 183/2021/DS-PT

Ngày: 26-02-2021

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
bảo hiểm*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Bà Đặng Huyền Phương

2/ Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Hoàng Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 632/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, về “*Tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 378/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6541/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 758/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2021 và số 1288/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Tiến D**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 301/17 Đường BT, Phường C, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà **Hồ Thị Phước H**, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 133 Đường HC, Phường M, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 2008 ngày 30/6/2020 của Văn phòng công

chứng Thân VQ)

- Ông **Lê Anh Đ**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 87L6 khu phố Long Hiệp, thị trấn G, huyện E, tỉnh BV.

Địa chỉ liên hệ: 133 Đường HC, Phường M, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 3063 ngày 21/9/2020 của Văn phòng công chứng Thân VQ)

2. *Bị đơn*: **Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SH**;

Địa chỉ trụ sở: tầng 5 tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Đường TK, phường CT, quận L, Thành phố N. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Trương Quốc V**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 33 Đường QT, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 187/2020/UQ-BSH-MN ngày 16/7/2020)

3. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – ông Phạm Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 25/4/2019 ông Phạm Tiến D có mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cho xe cơ giới mang biển kiểm soát 51A-621.74 với Tổng công ty bảo hiểm SH và đã được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số DK19/0021988, thời hạn bảo hiểm từ 11 giờ 30 phút ngày 25/4/2019 đến 11 giờ 30 phút ngày 25/4/2020.

Ngày 26/4/2019, tại thị trấn G, huyện E, tỉnh BV do không may nên ông D đã gây tai nạn cho xe ô tô khác. Khi tai nạn vừa xảy ra, ông D có báo cho công an địa phương và người bán bảo hiểm cho ông D để báo sự việc. Trong quá trình xử lý tai nạn, công an thị trấn G có biên bản xác nhận thỏa thuận bồi thường giữa ông D và bên bị tai nạn với số tiền bồi thường là 20.000.000 đồng và ông D đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Ngày 6/5/2019, ông D có đến công ty bảo hiểm R thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường. Sau khi xem xét hồ sơ, đại diện công ty bảo hiểm trả lời không tiến hành bồi thường thiệt hại do không có biên lai, hóa đơn thu phí bảo hiểm. Đến cuối tháng 8/2019, công ty bảo hiểm có yêu cầu ông D cung cấp hồ sơ, hỗ trợ công ty thu thập chứng cứ từ cơ quan công an để xem xét việc bồi thường. Tuy nhiên, từ tháng 8/2019 cho đến nay, công ty bảo hiểm vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường của mình. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu công ty bảo hiểm phải bồi thường cho ông D số tiền 20.000.000 đồng.

Ông Trương Quốc V đại diện bị đơn trình bày: Ngày 05/6/2019, công ty bảo hiểm R có tiếp nhận tổn thất tai nạn của ông Phạm Tiến D là lái xe đồng thời là chủ xe 51A – 621.47. Sau khi tiếp nhận thông tin bằng văn bản, nhân viên

công ty bảo hiểm đã lập biên bản làm việc với ông Phạm Tiến D. Nội dung biên bản xoay quanh về việc thanh toán thu phí, trong biên bản ông Phạm Tiến D khai báo đã thanh toán phí bảo hiểm cho đại lý bảo hiểm. Qua xác minh, công ty nhận thấy đại lý cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho xe 51A-621.47 là ông Lê Công N – đại lý Bảo hiểm của Công ty bảo hiểm R, hợp đồng đại lý ký ngày 01/01/2019 đến ngày 01/01/2020. Sau khi cấp giấy Chứng nhận bảo hiểm cho xe 51A-621.47 thì ông Phạm Tiến D chưa thanh toán phí và có hẹn ngày mai sẽ thanh toán nhưng khi đại lý xuống thu phí và thu giấy chứng nhận lại nhưng ông Phạm Tiến D không thanh toán phí và cũng không trả lại giấy chứng nhận bảo hiểm. Để làm rõ vấn đề thanh toán phí bảo hiểm liên quan trực tiếp đến thủ tục bồi thường, cán bộ công ty bảo hiểm đã làm việc và lập biên bản làm việc với ông Phạm Tiến D và đại lý Lê Công N. Vì chưa đủ căn cứ xác định phí bảo hiểm đã được ông D nộp cho ông Lê Công N nên ngày 05/6/2019 Công ty bảo hiểm có gửi đến ông D thông báo số 206 đề nghị ông D bổ sung những chứng từ thu phí như biên lai thu phí bảo hiểm, hóa đơn thu phí bảo hiểm để công ty bảo hiểm thực hiện thủ tục trả tiền bồi thường theo quy định. Mặc dù việc nộp phí của ông D là chưa đúng quy định của Bộ Tài chính nhưng do đây cũng là sơ suất của đại lý bảo hiểm nên phía bị đơn xác định vẫn tạo điều kiện giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho ông D. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bồi thường, các chứng từ do ông D cung cấp liên quan đến việc sửa chữa xe ô tô 51A-621.47 chỉ thể hiện việc sửa chữa hết 18.181.000 đồng, ngoài ra không cung cấp thêm được bất cứ hóa đơn, chứng từ hợp lệ nào khác. Vì các lý do nêu trên nên ngày 17/4/2020 Công ty bảo hiểm R đã gửi thông báo số 022 cho ông D, theo thông báo công ty bảo hiểm đồng ý giải quyết bồi thường cho ông D số tiền 18.181.000 đồng theo đúng chứng từ sửa chữa xe mà ông D cung cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Lê Anh Đ và bà Hồ Thị Phước H đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 20.000.000 đồng là tiền ông Phạm Tiến D đã bồi thường cho người bị tai nạn. Đồng thời, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán thiệt hại do ông D xin nghỉ làm 10 ngày là 7.000.000 đồng, chi phí đi lại vé máy bay, xăng xe, ăn ở khi nộp đơn và làm việc với cơ quan chức năng để khiếu nại là 10.000.000 đồng, chi phí thuê tư vấn pháp lý xử lý vụ việc là 40.000.000 đồng, trả tiền lãi chậm trả cho số tiền bồi thường 20.000.000 đồng là 2.666.666 đồng. Tổng cộng, số tiền ông D yêu cầu là 79.666.666 đồng.

Căn cứ nguyên đơn yêu cầu bồi thường: Căn cứ theo quy định tại Điều 13, 360, 419, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do phía bị đơn chậm bồi thường, quy trình xử lý khi có yêu cầu bồi thường không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo về mặt thời gian nên gây thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm. Do đó, công ty bảo hiểm phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại và tổn thất xảy ra cho ông D.

Ông Trương Quốc V đại diện bị đơn trình bày: Căn cứ theo quy định khoản a điểm 13 điều 14 Thông tư số 22/2016 của Bộ Tài chính. Do ông Phạm

Tiến D không cung cấp đầy đủ hồ sơ, hóa đơn về việc sửa chữa xe gây tai nạn nên bị đơn chỉ đồng ý bồi thường trước thuế số tiền là 18.181.000 đồng. Nếu nguyên đơn cung cấp được hóa đơn GTGT sửa xe là 20.000.000 đồng thì nguyên đơn đồng ý bồi thường số tiền 20.000.000 đồng và không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 378/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Tiến D.

Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SH bồi thường cho ông Phạm Tiến D số tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự là 18.181.000 đồng (mười tám triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SH chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 909.050 đồng (chín trăm lẻ chín triệu không trăm năm mươi đồng).

Ông Phạm Tiến D phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 1.819.000 đồng (một triệu tám trăm mười chín ngàn đồng) nên phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông D đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0039396 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T nên hoàn lại cho ông D số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai nói trên.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, nguyên đơn – ông Phạm Tiến D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Thực tế nguyên đơn đã phải bồi thường thiệt hại cho bên bị tai nạn số tiền là 20.000.000 đồng, điều này có sự chứng kiến của công an huyện E. Mặc dù, khi xảy ra tai nạn và thoả thuận bồi thường không có sự tham gia của công ty bảo hiểm nhưng thông qua việc trao đổi bằng điện thoại công ty bảo hiểm hứa sẽ hoàn lại tiền bồi thường cho nguyên

đơn. Tuy ngày 10/9/2020, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện bổ sung là sau phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên những yêu cầu này phải được giải quyết trong cùng vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 378/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SH có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 79.666.666 đồng bao gồm: tiền nguyên đơn trả cho bên bị tai nạn 20.000.000 đồng, tiền thiệt hại do nguyên đơn nghỉ làm 10 ngày là 10.000.000 đồng, chi phí đi lại để làm việc với cơ quan chức năng 10.000.000 đồng, chi phí thuê tư vấn pháp lý 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả của số tiền 20.000.000 đồng là 2.666.666 đồng.

Căn cứ Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông do Công an huyện E lập ngày 29/4/2019, biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông do công an huyện E lập ngày 26/4/2019 có cơ sở xác định ông Phạm Tiến D là chủ phương tiện ô tô biển kiểm soát 51A-62147 gây tai nạn với ô tô mang biển kiểm soát 72A-172.48.

Căn cứ biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông do công an huyện E lập ngày 03/5/2019 thể hiện ông D lái ô tô gây tai nạn và có xảy ra thiệt hại đối với bên thứ 03. Ô tô biển kiểm soát 51A-621.47 của ông D có mua bảo hiểm và được

cấp giấy chứng nhận bảo hiểm nên phát sinh trách nhiệm bồi thường của cơ quan bảo hiểm. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự do ông D đã bồi thường cho bên thứ 03 là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ theo tài liệu hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác nhận sau khi gây tai nạn chỉ có cá nhân ông D và chủ xe ô tô bị tai nạn thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, không có biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người của doanh nghiệp bảo hiểm lập. Đồng thời, ông D cũng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ thể hiện đã sửa chữa đối với xe ô tô mang biển kiểm soát số 72A-172.48 là 20.000.000 đồng mà chỉ cung cấp được bảng báo giá sửa chữa của công ty TNHH MTVTMDV ô tô PC thể hiện giá sửa chữa ô tô biển kiểm soát 72A-172.48 là 17.996.000 đồng. Điều này không đúng quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ Tài chính nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng của nguyên đơn.

Tuy nhiên, do bị đơn đồng ý thanh toán số tiền bảo hiểm là 18.181.000 đồng, sự tự nguyện này của bị đơn phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

[1.2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu chấp nhận yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại đơn khởi kiện bổ sung nộp ngày 10/9/2020 gồm tiền thiệt hại do nguyên đơn nghỉ làm 10 ngày là 10.000.000 đồng, chi phí đi lại để làm việc với cơ quan chức năng 10.000.000 đồng, chi phí thuê tư vấn pháp lý 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả của số tiền 20.000.000 đồng là 2.666.666 đồng số tiền là 59.666.666 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2019, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn phải thanh toán tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự là 20.000.000 đồng. Ngày 17/7/2020, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tiếp theo trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía đại diện nguyên đơn vẫn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 10/9/2020, đại diện nguyên đơn mới nộp đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại gồm tiền thiệt hại do nguyên đơn nghỉ làm 10 ngày là 10.000.000 đồng, chi phí đi lại để làm việc với cơ quan chức năng 10.000.000 đồng, chi phí thuê tư vấn pháp lý 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả của số tiền 20.000.000 đồng là 2.666.666 đồng, tổng cộng là 59.666.666 đồng. Theo Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án các địa phương, tại mục 7, Phần 4 đã hướng dẫn thực hiện nội dung như sau: “Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu”. Như vậy, việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản thiệt hại gồm tiền thiệt hại do nguyên đơn nghỉ làm 10 ngày là 10.000.000 đồng, chi phí đi lại để làm việc với cơ quan chức năng 10.000.000 đồng, chi phí thuê tư vấn pháp lý 40.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả của số tiền

20.000.000 đồng là 2.666.666 đồng, tổng cộng là 59.666.666 đồng vào ngày 10/9/2020 được thực hiện sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu này lại vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Tòa sơ thẩm đã ban hành thông báo trả lại đơn khởi kiện bổ sung số 5061/TB-TA ngày 10/9/2020 và không giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Phạm Tiến D.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 378/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0068522 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu (T/18)



1 000100 930213

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền